

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3979/BTC-CST

V/v phối hợp hướng dẫn

Nghị định số 154/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015



Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông. ✓

Trả lời đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3247/BTTTT-CNTT ngày 10/11/2014 về việc phối hợp xây dựng văn bản hướng dẫn một số vấn đề tại các Điều 21, 22 và 23 trong Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung, căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

I. Vị thế của Khu công nghệ thông tin tập trung

Điều 51 Luật Công nghệ thông tin số 76/2006/QH11 ngày 29/6/2006 quy định: "Khu công nghệ thông tin tập trung là loại hình khu công nghệ cao, tập trung hoặc liên kết cơ sở nghiên cứu - phát triển, sản xuất, kinh doanh, đào tạo về công nghệ thông tin (CNTT). Tổ chức, cá nhân đầu tư và hoạt động trong khu CNTT tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước áp dụng đối với khu công nghệ cao".

II. Về các vấn đề Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị phối hợp hướng dẫn

1. Về hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung đối với Chủ đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung (Điều 21 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP)

a) Về khoản 7, Điều 21: "*Chủ đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật*".

Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/08/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước, Phụ lục I - Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư của Nghị định số 75/2011/NĐ-CP, khoản 2 quy định: "*Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải, rác thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, bệnh viện và các cụm công nghiệp làng nghề - Nhóm A,B*"; và Khoản 5. "*Dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghiệp hỗ trợ, khu chế xuất, khu công nghệ cao- Nhóm A,B*", là các đối tượng được vay vốn tín dụng đầu tư;

Do đó, trường hợp các dự án đầu tư xây dựng ở khu CNTT tập trung thuộc các dự án hạ tầng nêu trên thì thuộc đối tượng được vay vốn tín dụng đầu

tư của Nhà nước. Thủ tục, quy trình vay vốn đầu tư được quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/08/2011 của Chính phủ.

b) Về khoản 8, Điều 21: “*Chủ đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung được huy động vốn dưới dạng trái phiếu dự án theo quy định của pháp luật.*”

- Căn cứ theo các văn bản pháp luật về phát hành trái phiếu như Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ hướng dẫn phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, không có quy định nào về loại hình trái phiếu dự án. Bên cạnh đó, theo quy định về phát hành trái phiếu thì các cá nhân không thuộc đối tượng được phát hành trái phiếu.

- Trường hợp, chủ đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung là doanh nghiệp thì có thể phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh hoặc trái phiếu doanh nghiệp nhưng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các văn bản hướng dẫn, cụ thể như sau:

+ Đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: Chủ đầu tư phải đáp ứng quy định tại Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 34/2012/TT-BTC ngày 1/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, và Quyết định số 44/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/8/2011 về Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ.

+ Đối với trái phiếu doanh nghiệp: chủ đầu tư phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

c) Về khoản 9, Điều 21: “*Chủ đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung được huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ chung trong khu CNTT tập trung*”.

Theo quy định pháp luật về đất đai hiện hành, không có khái niệm cụ thể về “huy động vốn từ quỹ đất”. Do đó, Bộ Tài chính không có đủ cơ sở để có ý kiến về nội dung này.

d) Khoản 11, Điều 21 quy định: “*Chủ đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội không kinh doanh theo quy định của pháp luật.*”

- Điều 51 Luật Công nghệ thông tin năm số 76/2006/QH11 ngày 29/6/2006 quy định: “*Khu công nghệ thông tin tập trung là loại hình khu công nghệ cao, tập trung hoặc liên kết cơ sở nghiên cứu – phát triển, sản xuất, kinh doanh, đào tạo về công nghệ thông tin. Tổ chức, cá nhân đầu tư và hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước áp dụng đối với khu công nghệ cao*”.

Căn cứ theo quy định nêu trên, khu CNTT tập trung được hưởng ưu đãi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất áp dụng đối với khu công nghệ cao.

- Khoản 6 Điều 33 Luật đất đai 2003 quy định: *đất xây dựng các công trình công cộng không nhằm mục đích kinh doanh thuộc đối tượng được giao đất không thu tiền sử dụng đất.*

Theo đó, khoản 2 Điều 85 Nghị định số 181/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003 quy định: *Ban quản lý khu công nghệ cao giao lại đất không thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cho thuê đất miễn nộp tiền thuê đất đối với tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trong khu công nghệ cao để xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ cao.*

- Khoản 2 Điều 54 Luật đất đai 2013 (thay thế Luật đất đai 2003) quy định: *“đất sử dụng vào mục đích công cộng không nhằm mục đích kinh doanh”* thuộc đối tượng được giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Theo đó, điểm đ khoản 2 Điều 52 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai năm 2013 quy định Ban Quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm: *“Quyết định giao lại đất không thu tiền sử dụng đất đối với người sử dụng đất trong khu công nghệ cao thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 54 Luật đất đai”.*

Căn cứ theo các quy định nêu trên thì:

+ Trước ngày Luật đất đai 2013 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2014): Thực hiện theo Luật đất đai 2003 thì đối với diện tích đất công cộng không nhằm mục đích kinh doanh (đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung) trong khu công nghệ cao thuộc trường hợp được giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc được cho thuê đất miễn nộp tiền thuê đất đối với tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài.

+ Từ ngày Luật đất đai 2013 có hiệu lực thi hành trở đi thì đối với diện tích đất công cộng không nhằm mục đích kinh doanh trong khu công nghệ cao thuộc trường hợp được giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Như vậy, Bộ Tài chính cho rằng không cần thiết phải hướng dẫn thêm việc miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội không kinh doanh như quy định tại khoản 11 Điều 21 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP. Theo đó đề nghị thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai hiện hành.

2. Về hỗ trợ, ưu đãi cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung (Điều 22 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP)

a) Về khoản 2, Điều 22: *“Được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại*

khu công nghệ thông tin tập trung. Đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin có quy mô lớn cần đặc biệt thu hút đầu tư, thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi 10% theo quy định tại Khoản này theo đề nghị của Bộ Tài chính”.

Nội dung ưu đãi quy định tại khoản này đã phù hợp với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung đáp ứng được các quy định tại các văn bản nói trên thì được hưởng ưu đãi.

b) Về khoản 5, Điều 22: “*Được tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hải quan trong quá trình xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và sản phẩm, dịch vụ CNTT*”.

Hiện nay, ngành Hải quan áp dụng hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS đã góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, giảm thời gian thông quan hàng hóa, tạo môi trường thông quan minh bạch. Về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị và sản phẩm và dịch vụ CNTT, cơ quan hải quan thực hiện theo quy định của các Bộ quản lý chuyên ngành. Do đó, các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung căn cứ theo quy định tại các văn bản pháp luật về hải quan và qui định của các Bộ quản lý chuyên ngành để tiến hành các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu máy móc thiết bị và sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

c) Về khoản 6, Điều 22: “*Được hưởng các ưu đãi về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.*”

- Nghị định số 75/2011/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, Điều 16 về đối tượng vay tín dụng xuất khẩu quy định: “Nhà xuất khẩu có hợp đồng xuất khẩu và nhà nhập khẩu nước ngoài có hợp đồng nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu được ban hành kèm theo Nghị định này”.

- Căn cứ khoản IV, Phụ lục 2 về Danh mục mặt hàng được vay vốn tín dụng xuất khẩu của Nghị định số 75/2011/NĐ-CP thì phần mềm tin học thuộc Danh mục mặt hàng được vay vốn tín dụng xuất khẩu.

Do đó, trường hợp các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung đáp ứng được điều kiện về đối tượng cho vay quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, và Phụ lục 2 của Nghị định về Danh mục mặt hàng được vay vốn tín dụng xuất khẩu thì được vay vốn tín dụng xuất

khẩu.

Đối với các ưu đãi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và các tổ chức tín dụng khác, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông làm việc với Bộ Khoa học và Công nghệ, các tổ chức tín dụng có liên quan để được hướng dẫn.

3. Về điểm thông quan trong khu CNTT tập trung (Điều 23 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP)

Khoản 1, Điều 23 quy định: “Khu CNTT tập trung được phép mở điểm thông quan trong khu theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, thì hầu hết tại các khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa khu công nghiệp, khu chế xuất,... có hoạt động xuất nhập khẩu đều có các Chi cục Hải quan quản lý thực hiện làm thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan và thực hiện thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Hiện nay, ngành Hải quan áp dụng hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và đang triển khai xây dựng các địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung tại một số nơi có hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa lớn, tạo điều kiện thông quan hàng hóa được nhanh chóng. Do đó các tổ chức, doanh nghiệp trong Khu công nghệ thông tin tập trung khi có hoạt động xuất nhập khẩu thì liên hệ với cơ quan hải quan gần nhất để làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu.

Do các vấn đề Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị phối hợp xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện tại Công văn số 3247/BTTTT-CNTT ngày 10/11/2014 thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, do vậy Bộ Tài chính thấy không cần xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện riêng đối với Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 8/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.

Bộ Tài chính trả lời Bộ Thông tin và Truyền thông biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c);
- Cục QLCS; TCHQ, Vụ PC, Vụ TCNH; TCT;
- Lưu: VT, CST (4).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai